TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2022
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Thạch N**, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 13 tháng 01 năm 2022)

Địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thanh T,** sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Thạch N trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thanh T do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 08 tháng 01 năm 2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình chồng tại ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 06 năm 2020 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị N đồng ý giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 31 tháng 5 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh và chị Thạch N do mai mối tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long sau đó vợ chồng đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có cãi vã nên chị N đem vàng dành dụm của vợ chồng bỏ đi và nộp đơn xin ly hôn với anh. Hiện nay anh và chị N không còn sống chung.

Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch N thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng anh yêu cầu được gặp mặt chị N.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn tuỳ theo nguyện vọng của cháu L muốn theo ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh T yêu cầu gặp mặt chị N để vợ chồng tự thoả thuận.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Trích lục kết hôn bản sao; giấy khai sinh bản photo; đơn xác nhận; tờ cam kết; công văn số: 503/PTP ngày 07/4/2021 của phòng Tư pháp huyện Vũng Liêm; đơn xin xác nhận khai sinh; bảng khai ý kiến.

Bị đơn đã nộp: 02 bảng khai ý kiến bản gốc.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập anh Nguyễn Thanh T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác, anh T biết rõ chị N xin ly hôn với anh tại Toà án, ngày 13 tháng 01 năm 2022 chị Thạch N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị N theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Thạch N và anh Nguyễn Thanh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do mai mối có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08 tháng 01 năm 2009. Theo lời trình bày của chị N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 06 năm 2020 đến nay. Theo anh T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có cãi vã nên chị N bỏ đi, hiện nay anh chị không còn sống chung. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng anh yêu cầu gặp mặt chị N. Ngày 13 tháng 01 năm 2022 Toà án đã triệu tập chị N, anh T để tham dự hoà giải, chị N có mặt nhưng anh T vắng mặt không lý do nên không tiến hành hoà giải được.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Chị Thạch N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Thạch N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Thạch N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Thạch N.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[2] Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2004 cho anh Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Thạch N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Thạch N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Thạch N và anh Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Thạch N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008999 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui